

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày: 08 - 7 - 2021
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976. Địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 2018 bà Nguyễn Thị N có hợp đồng đào ao nuôi tôm cho ông Lê Văn T tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 15/7/2018 bà N đã đào ao nuôi tôm cho ông T xong, ông T chưa thanh toán trả tiền công đào ao cho bà N. Giữa bà N và ông T có chốt lại số tiền công đào ao là 124.000.000 đồng. Ông T có hứa 03 tháng sẽ trả tiền công đào ao cho bà N, khi đến hạn ông T không trả và kéo dài đến ngày 16/6/2020 thì ông T có làm giấy nhận nợ cho bà N là còn nợ bà N 124.000.000 đồng và hẹn trả trong thời gian gần nhất, nhưng đến nay ông T không

có trả tiền cho bà N mặc dù bà N có đòi tiền nhiều lần thì ông T chỉ hứa chứ không có trả.

Nay bà N yêu cầu như sau:

Yêu cầu buộc ông Lê Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho bà N số tiền công đào ao nuôi tôm là 124.000.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu đồng), trả đủ một lần trong thời hạn 30 ngày.

- *Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:* Vào năm 2018, ông T và bà N có hợp đồng đào ao nuôi tôm, khi hợp đồng bằng lời nói chứ không có lập thành văn bản, sau khi đào ao xong ông T đã trả cho bà N một số tiền và còn nợ lại số tiền 124.000.000 đồng. Khi chốt lại số nợ 124.000.000 đồng hai bên có nhờ ông Lê Văn Bé B viết tờ biên nhận “Tờ nợ tiền xe cuốc” lập ngày 16/6/2020, ông T và bà N có ký tên vào tờ biên nhận. Nay ông T thừa nhận còn nợ bà N số tiền đào ao nuôi tôm là 124.000.000 đồng nhưng hiện nay do hoàn cảnh gia đình ông gặp khó khăn nên ông T xin trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/11/2020, bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đòi lại tài sản đối với bị đơn ông Lê Văn T cư trú tại ấp A, xã B, huyện Cù L, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Văn T. Ông Lê Văn T trình bày có hợp đồng đào ao nuôi tôm với bà N và còn nợ lại số tiền 124.000.000 đồng.

Xét về lỗi: Ông T thực hiện không đúng nghĩa vụ theo giao kết của hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, vì vậy ông T là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà N yêu cầu ông T chịu trách nhiệm hoàn trả cho bà N số tiền 124.000.000 đồng, trả đủ một lần trong thời hạn 30 ngày, số tiền này bà N không yêu cầu tính lãi.

[4]. Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khi hai bên tiến hành hợp đồng đào ao nuôi tôm hai bên thỏa thuận đào ao xong, ông T sẽ trả tiền cho bà N, khi đào ao xong ông T có làm “Tờ nợ tiền xe cuốc” thể hiện có nợ bà N số tiền 124.000.000 đồng và xin hứa trả cho bà N, nhưng ông T không thanh toán tiền đầy đủ cho bà N là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, bị đơn Lê Văn T phải trả tiền đào ao cho bà Nguyễn Thị N 124.000.000 đồng theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Đối với ý kiến của ông Lê Văn T xin trả dần cho đến khi dứt nợ, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 280, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Lê Văn T trả cho bà N số tiền là 124.000.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu 6.200.000 đồng (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003047 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hường